

VẬN DỤNG CHỦ NGHĨA MARX-LENIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN CHỦ TRỰC TIẾP Ở VIỆT NAM

TÀO THỊ QUYÊN^(*)

I. Chủ nghĩa Marx-Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ trực tiếp

K. Marx, F. Engels và V. I. Lenin không chỉ là những lãnh tụ trong cuộc đấu tranh cho dân chủ vô sản, dân chủ tiến bộ, dân chủ cho đa số nhân dân lao động mà còn là những nhà tư tưởng lỗi lạc về dân chủ nói chung và dân chủ trực tiếp nói riêng.

Theo K. Marx, trong chế độ dân chủ, nhà nước, luật pháp là sự tự quy định của nhân dân, dân chủ vô sản không chỉ là công cụ, phương tiện để phát huy tính sáng tạo của quần chúng, mà còn là bản chất tồn tại của nhà nước XHCN. Tính hiện thực của nền dân chủ vô sản chính là việc thủ tiêu chế độ tư hữu tư nhân về tư liệu sản xuất để thiết lập những thiết chế dân chủ đại diện của mình, từ đó làm tiền đề hiện thực hóa các quyền dân chủ trực tiếp.

Kế thừa và tiếp tục tư tưởng của K. Marx về dân chủ, V. I. Lenin cho rằng: “Không phải chỉ tuyên truyền về dân chủ, tuyên bố và ra sắc lệnh về dân chủ là đủ, không phải chỉ giao trách nhiệm thực hiện chế độ dân chủ cho những người đại diện nhân dân trong cơ quan đại biểu là đủ. Cần xây dựng ngay chế độ dân chủ, bắt đầu từ cơ sở, dựa vào ý

kiến của bản thân quần chúng, với sự tham gia thực sự của quần chúng vào tất cả đời sống của nhà nước” (V. I. Lênin toàn tập, 1978, tập 31, tr.366-367). Trong điều kiện của chế độ dân chủ mới thì điều quan trọng nhất là toàn bộ công việc của nhà nước từ dưới lên phải do bản thân quần chúng tổ chức, quần chúng thực sự tham gia. Muốn phát triển lên CNXH một cách có kế hoạch, vững chắc và kiên quyết phải nhờ vào việc xây dựng được một nhà nước thực sự dân chủ của nhân dân, trong đó quần chúng ngày càng nắm vững nghệ thuật quản lý nhà nước và điều khiển toàn bộ chính quyền nhà nước. Đồng thời, theo V. I. Lenin, các yêu cầu và nội dung dân chủ của nhà nước vô sản phải được quy định trong Hiến pháp và pháp luật.

Các cơ chế thực hiện dân chủ trực tiếp được các nhà kinh điển Marx-Lenin và Chủ tịch Hồ chí Minh bàn đến, như sau:

1. Nhân dân tham gia thành lập bộ máy nhà nước thông qua bầu cử và ứng cử

Bầu cử và ứng cử là một trong những nội dung dân chủ về chính trị quan trọng nhất của nhân dân, là biểu hiện rõ nhất của dân chủ. Thông qua

^(*) TS., Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

bầu cử và ứng cử, nhân dân trực tiếp thành lập ra bộ máy nhà nước.

Theo V. I. Lenin, bầu cử theo nguyên tắc phổ thông bình đẳng, trực tiếp, bỏ phiếu kín là nguyên tắc tiến bộ nhất của nền dân chủ hiện đại. Qua đó, những người lao động tự lựa chọn được những người xứng đáng thay mặt mình để quản lý và giải quyết các công việc của nhà nước và xã hội.

Ông cho rằng dân chủ được thực hiện thông qua tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, của chế độ bầu cử, ứng cử, của các tổ chức chính trị xã hội. “Dân chủ là sự thống trị của đa số. Chỉ có thể gọi cuộc bầu cử là dân chủ khi nào nó là phổ thông, trực tiếp và bình đẳng. Chỉ khi nào có những ủy ban do toàn dân bầu ra trên cơ sở quyền phổ thông đầu phiếu mới là những ủy ban dân chủ” (V. I. Lê nin toàn tập, 1978, tập 22, tr.66). Qua bầu cử, những người lao động tự lựa chọn được người xứng đáng nhất thay mặt mình giải quyết và quản lý công việc nhà nước và xã hội.

Đề cao giá trị của hình thức dân chủ này, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, tổng tuyển cử là sự thể hiện năng lực thực hành dân chủ của nhân dân. Để kêu gọi mọi tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng và tham gia một cách đầy đủ ngày hội Tổng tuyển cử đầu tiên bầu ra Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Người viết bài “Ý nghĩa Tổng tuyển cử” đăng trên (báo *Cứu Quốc* số 130, ngày 31/12/1945). Trong đó, Người viết: “Tổng tuyển cử là một dịp cho toàn thể quốc dân tự do lựa chọn những người có tài, có đức để gánh vác việc nước nhà... Do tổng tuyển cử mà toàn dân bầu ra Quốc hội; Quốc hội sẽ cử ra Chính phủ. Chính phủ đó thực sự là Chính phủ của nhân dân”. Như

vậy, thông qua bầu cử nhân dân thực hiện quyền lực của mình, xây dựng nên một nhà nước hợp pháp theo ý nguyện của toàn dân.

2. Nhân dân biểu quyết khi nhà nước trưng cầu ý kiến

Trưng cầu ý dân là một hình thức dân chủ trực tiếp điển hình, một trong những hình thức cao của việc nhân dân tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Sự ra đời định chế trưng cầu ý dân đánh một dấu mốc quan trọng trong sự phát triển của nền dân chủ trên thế giới. Bỏ phiếu trưng cầu là việc nhân dân bỏ phiếu thể hiện ý chí của mình đối với những vấn đề trọng đại của đất nước. Thông qua hình thức này, “người dân có điều kiện thể hiện quan điểm của mình đối với một vấn đề chính trị xã hội quan trọng, được bày tỏ ý kiến đồng ý hay không đồng ý và cơ quan nhà nước có trách nhiệm căn cứ vào đó để ban hành quyết định tương ứng” (Trần Minh Hương, 2004, tr.54). Như vậy, đây chính là một hình thức để bảo đảm rằng dân chủ là chế độ do nhân dân tự quy định đúng như K. Marx đã từng viết: “...trong chế độ dân chủ thì bản thân chế độ nhà nước thể hiện ra là một trong những tính quy định, cụ thể là sự tự quy định của nhân dân” (C. Mác và Ph. Ăngghen toàn tập, 2002, tập 1, tr.349).

3. Nhân dân tham gia quản lý nhà nước

V. I. Lenin coi việc lôi cuốn đông đảo nhân dân tham gia quản lý nhà nước là “phương pháp tuyệt diệu để tăng ngay một lúc bộ máy của chúng ta lên gấp mười lần” (V. I. Lê nin toàn tập, 1978, tập 34, tr.412). Người không hề chủ quan về vai trò tham gia quản lý nhà nước của nhân dân. Người cho rằng: “những người cộng sản không phải là những người

không tưởng..., không phải bất kỳ anh thợ phụ nào hay chị nấu bếp nào cũng đều có thể tham gia ngay việc quản lý nhà nước được” (V. I. Lê nin toàn tập, 1978, tập 34, tr.412). Vì vậy, phải giáo dục cho quần chúng nhân dân kiến thức quản lý, song phải “đoạn tuyệt với định kiến cho rằng chỉ có bọn nhà giàu có hay bọn công chức xuất thân từ các gia đình giàu có mới có khả năng quản lý nhà nước” (V. I. Lê nin toàn tập, 2006, tập 34, tr.416-418). Xác định rõ mục tiêu xây dựng một chế độ dân chủ triệt để, dân chủ là “do nhân dân tự quy định”, V. I. Lenin cho rằng: “Mục đích của chính quyền Xô viết là thu hút những người lao động tham gia vào quản lý nhà nước”, thực hiện một nền dân chủ rộng rãi nhằm giải phóng con người và phát triển toàn diện con người trong xã hội mới. Có nhiều phương thức để nhân dân tham gia quản lý nhà nước, trong đó, việc nhân dân tham gia thảo luận và góp ý kiến xây dựng chính sách, pháp luật của nhà nước có ý nghĩa hết sức quan trọng. Thông qua đó, nhân dân thể hiện một cách trực tiếp ý chí của mình về các vấn đề được pháp luật điều chỉnh.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đặc biệt đề cao vai trò của nhân dân trong quản lý nhà nước. Người cho rằng: “Làm việc gì cũng phải có quần chúng. Không có quần chúng thì không thể làm được” (Hồ Chí Minh, 2000, tập 33, tr.481). Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm, nhà nước phải dựa vào lực lượng nhân dân, bảo đảm phương châm “đưa mọi vấn đề cho dân chúng thảo luận và tìm cách giải quyết” (Hồ Chí Minh, 2000, tập 33, tr.464). Trong quá trình chỉ đạo công tác xây dựng pháp luật, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã luôn coi trọng việc tổ chức lấy ý kiến của nhân dân. Điều đó được minh chứng cụ thể và rõ ràng nhất khi Người

chỉ đạo soạn thảo bản Hiến pháp năm 1959. Ban soạn thảo Hiến pháp năm 1959 đã tổ chức hai đợt lấy ý kiến nhân dân với thời gian 4 tháng. Người đánh giá: “Hai đợt thảo luận dự thảo Hiến pháp trong nhân dân là những cuộc sinh hoạt chính trị rất sôi nổi. Nhân dân đã hăng hái sử dụng quyền dân chủ của mình để xây dựng Hiến pháp của mình” (Hồ Chí Minh, 2000, tập 33, tr.72). Điều đó được thể hiện qua 10 điểm đóng góp lớn đã được Ban sửa đổi Hiến pháp tiếp thu, chỉnh sửa. Ngoài những đề nghị mà Ban sửa đổi Hiến pháp đã đồng ý và căn cứ vào đó để chỉnh lý bản Dự thảo Hiến pháp, còn có nhiều ý kiến đóng góp về những vấn đề chi tiết khác thuộc phạm vi lập pháp hoặc phạm vi hoạt động của các cơ quan nhà nước cũng đã được chuyển đến các cơ quan phụ trách để nghiên cứu, tiếp thu (Hồ Chí Minh toàn tập, 2000, tập 33, tr.705-706).

4. Nhân dân bãi miễn đại biểu quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân

Chế độ dân chủ sẽ không thể triệt để và hoàn toàn nếu nhân dân chỉ bầu ra những đại biểu của mình mà lại không có quyền bãi miễn các đại biểu đó khi họ không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân. Quyền bãi miễn là quyền có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện chế độ dân chủ. V. I. Lenin nhấn mạnh: “Mọi cơ quan được bầu ra đều có thể coi là có tính chất dân chủ chân chính và đại biểu thực sự cho ý chí của nhân dân khi nào quyền bãi miễn của cử tri đối với người trúng cử được thừa nhận và áp dụng... Nguyên tắc cơ bản đó... cũng phải được áp dụng đối với Quốc hội lập hiến... Từ chối không áp dụng quyền bãi miễn, trì hoãn thi hành quyền đó, hạn chế nó, thì như thế tức là

phản lại dân chủ...” (Hồ Chí Minh toàn tập, 2000, tập 33, tr.126-127).

Khi luận bàn về mối quan hệ giữa nhà nước và nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tự đặt câu hỏi: “Chính phủ Cộng hoà Dân chủ là gì?” và Người tự trả lời: “Là đày tớ chung của dân, từ Chủ tịch toàn quốc đến làng. Dân là chủ thì Chính phủ phải là đày tớ... Nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đả đảo Chính phủ”. “Nếu Chính phủ sai thì phải phê bình, phê bình nhưng không phải là chửi” (Hồ Chí Minh toàn tập, 2000, tập 5, tr.60). Người viết: “Nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu quốc hội và đại biểu hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân; nguyên tắc ấy bảo đảm quyền kiểm soát của nhân dân đối với đại biểu của mình” (Hồ Chí Minh toàn tập, 2000, tập 9, tr.591).

5. Nhân dân giám sát hoạt động của nhà nước, cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức nhà nước

Vấn đề nhân dân giám sát hoạt động của nhà nước, cơ quan nhà nước và cán bộ công chức nhà nước xuất phát từ nguyên lý quyền lực của nhân dân là tối thượng, là quyền lực gốc. Các cơ quan nhà nước, cán bộ công chức nhà nước thực hiện thẩm quyền của mình là thực hiện quyền hạn do nhân dân ủy thác cho. Vì vậy, để bảo đảm rằng các cơ quan nhà nước, cán bộ công chức nhà nước thực hiện đúng quyền hạn do nhân dân ủy thác, không lạm quyền, không lộng quyền thì đòi hỏi nhân dân phải giám sát việc thực hiện quyền lực đó. Đó là lẽ đương nhiên trong mối quan hệ giữa người ủy quyền và người được ủy quyền.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, muốn cho nhà nước thực sự là nhà nước

dân chủ và hoạt động có hiệu lực, hiệu quả thì phải kiểm soát hoạt động của nhà nước, và chính nhân dân phải là lực lượng hùng hậu thực hiện công tác kiểm soát, giám sát, kiểm tra. Trong tác phẩm Sửa đổi lối làm việc, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Những người lãnh đạo chỉ trông thấy một mặt của công việc, của sự thay đổi của mọi người, trông từ trên xuống. Vì vậy sự trông thấy có hạn. Trái lại, dân chúng trông thấy công việc, sự thay đổi của mọi người, một mặt khác, họ trông thấy từ dưới lên. Nên sự việc cũng có hạn. Vì vậy, muốn giải quyết tốt vấn đề cho đúng, ắt phải hợp kinh nghiệm của cả hai bên lại. Muốn như thế, người lãnh đạo phải có mối liên hệ chặt chẽ giữa mình với các tầng lớp dân chúng” (Hồ Chí Minh toàn tập, 2000, tập 5, tr.523). Xác định được tầm quan trọng của công tác kiểm tra, giám sát như vậy, trong *Thư gửi đồng bào Liên khu IV* Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khuyên nhủ: “Tôi mong rằng, từ nay các cán bộ đều biết phê bình và tự phê bình, đều cố gắng sửa đổi lối làm việc, theo đúng đường lối của Chính phủ và Đoàn thể, hợp với lòng dân. Cán bộ cấp trên phải luôn đôn đốc kiểm tra công việc của cán bộ cấp dưới. Nhân dân thì giúp Chính phủ và đoàn thể kiểm tra công việc và hành vi của các cán bộ” (Hồ Chí Minh toàn tập, 2000, tập 6, tr.66).

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Kiểm soát có hai cách: một cách là từ trên xuống. Tức là người lãnh đạo kiểm soát kết quả những công việc của cán bộ mình. Một cách nữa là từ dưới lên. Tức là quần chúng và cán bộ kiểm soát sự sai lầm của lãnh đạo và bày tỏ cái cách sửa chữa sự sai lầm đó. Cách này là cách tốt nhất để kiểm soát các nhân viên” (Hồ Chí Minh toàn tập, 2000, tập

5, tr.288). Mặt khác, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng rất chú ý đến trách nhiệm của công dân khi thực hiện kiểm tra, giám sát, Người nhắc nhở: “Nhà nước bảo đảm quyền tự do dân chủ cho công dân, nhưng nghiêm cấm lợi dụng các quyền tự do dân chủ để xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, của nhân dân” (Hồ Chí Minh toàn tập, 1996, tập 9, tr.539).

6. Nhân dân thực hiện dân chủ ở cơ sở

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rất đề cao tầm quan trọng của dân chủ ở cơ sở. Theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, việc thực thi dân chủ ở từng địa phương, cơ sở, từng cán bộ, từng người dân... và từng công việc phải cụ thể và rõ ràng; Vận động tất cả lực lượng, mỗi cán bộ, đảng viên, thậm chí những người dân có nhận thức đều phải có trách nhiệm làm cho dân hiểu được quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong vị thế của người làm chủ. Để người dân thực hiện quyền làm chủ của mình một cách thực sự, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu: “Bất cứ việc gì đều phải bàn bạc với dân, hỏi ý kiến và kinh nghiệm của dân, cùng với dân đặt kế hoạch cho thiết thực với hoàn cảnh địa phương” (Hồ Chí Minh toàn tập, 2000, tập 5, tr.698-699).

Thực hiện quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở thực chất là thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm và dân kiểm tra”. Dân chủ ở cơ sở là một cơ chế đặc biệt, nó bao gồm cả các hình thức dân chủ trực tiếp khác như bầu cử và bãi miễn đại biểu cơ quan dân cử, các tổ chức, chức danh đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân ở cấp cơ sở; bàn bạc, thảo luận, tham gia quyết định, giám sát, kiểm tra việc thực hiện các công việc trong đời sống cộng đồng ở cơ sở, ở cơ quan, doanh nghiệp.

II. Mở rộng và phát triển các hình thức dân chủ trực tiếp ở Việt Nam

1. Tiếp tục hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực hiện các hình thức dân chủ trực tiếp đã được quy định trong pháp luật hiện hành

- Hoàn thiện pháp luật về bầu cử, cụ thể là: Mở rộng phạm vi lựa chọn của cử tri bằng cách tăng số lượng ứng cử viên cho một đơn vị bầu cử; Hoàn thiện các quy định về giới thiệu ứng cử viên, hiệp thương, vận động tranh cử, thông tin về các ứng cử viên... nhằm tạo điều kiện cho cử tri tích cực tham gia vào quá trình bầu cử; Quy định tiêu chuẩn đại biểu và cơ cấu đại biểu sao cho bảo đảm sự hài hòa giữa yêu cầu về tiêu chuẩn đại biểu với yêu cầu về cơ cấu, thành phần đại biểu; Tiếp tục cụ thể hóa các quy định liên quan đến quá trình hiệp thương bầu cử. Các khoản của Điều 3 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội 2011 cần được giải thích cụ thể và rõ ràng để có cách hiểu và áp dụng thống nhất trong quá trình ứng cử, hiệp thương và bầu cử của cử tri; Mở rộng phạm vi cơ quan, chức danh được thành lập bằng con đường bầu cử.

- Tiếp tục cụ thể hóa các quy định về bãi miễn đại biểu dân cử. Hiện nay, vấn đề bãi miễn đại biểu dân cử chỉ được quy định ở Hiến pháp, Luật Bầu cử đại biểu quốc hội, Luật Bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân, Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. Việc quy định như vậy là chưa tương xứng với tầm quan trọng của chế độ bãi miễn đại biểu dân cử. Về mặt lý luận cũng như thực tiễn, chế độ bãi miễn đại biểu cũng có ý nghĩa chính trị và pháp lý quan trọng như chế độ cử tri bầu ra người đại biểu của mình. Vì vậy, thủ tục bãi miễn cũng phải tuân

theo những trình tự luật định rõ ràng thì mới có khả năng thực thi trên thực tế. Do đó, cần ban hành văn bản pháp luật riêng về bãi miễn đại biểu dân cử.

Mặt khác, để có thể thực hiện được chế độ cử tri bãi miễn đại biểu dân cử cũng như chế độ cơ quan dân cử bãi nhiệm đại biểu thành viên của mình khi đại biểu đó không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân, cần quy định rõ nhiệm vụ của đại biểu và những việc đại biểu không được làm. Có như vậy cử tri mới có cơ sở để đánh giá mức độ tín nhiệm của mình đối với đại biểu dân cử.

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý và tổ chức triển khai cho nhân dân tham gia đóng góp ý kiến xây dựng chính sách, pháp luật. Cụ thể là:

+ Quy định rõ những loại văn bản phải đưa ra lấy ý kiến nhân dân trước khi ban hành, trình tự, thủ tục lấy ý kiến ra sao, trách nhiệm của các cơ quan liên quan đến việc lấy ý kiến nhân dân thế nào;

+ Quy định rõ ràng hơn trách nhiệm của các cơ quan soạn thảo trong việc tiếp thu ý kiến góp ý. Để có căn cứ xác định trách nhiệm của các bên có liên quan trong vấn đề này, cần có tài liệu bằng văn bản lưu tất cả những ý kiến góp ý (kể cả đồng ý và không đồng ý với dự án luật);

+ Bổ sung cơ chế phản hồi việc lấy ý kiến góp ý. Theo đó, các cơ quan có thẩm quyền bắt buộc phải thông tin lại cho các đối tượng được lấy ý kiến về việc tập hợp, tổng hợp, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo văn bản. Việc phản hồi có thể được thực hiện thông qua các hình thức như đăng, phát các bản báo cáo tổng hợp ý kiến, báo cáo giải trình tiếp thu, chỉnh lý dự thảo văn bản trên phương tiện

thông tin đại chúng hoặc qua việc tiếp xúc cử tri của đại biểu dân cử.

+ Nghiên cứu ban hành văn bản cụ thể hóa và hướng dẫn thi hành những quy định liên quan đến quy trình tập hợp, tổng hợp, phân loại ý kiến, phương thức tiếp thu, chỉnh lý văn bản theo ý kiến góp ý... nhằm tạo hành lang pháp lý rõ ràng và chi tiết hơn cho hoạt động tổ chức lấy ý kiến nhân dân vào xây dựng pháp luật.

- Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện tốt cơ chế giám sát của nhân dân đối với các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức nhà nước. Cụ thể là: Thực hiện tốt chế độ công khai trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức nhà nước; Hoàn thiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo của công dân; Đổi mới thủ tục giải quyết các vụ án hành chính, bảo đảm tính độc lập của toà hành chính; Hoàn thiện các quy định về công tác tiếp dân, xử lý, trả lời đơn thư dân nguyện.

- Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở. Hiện nay, để điều chỉnh việc thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, Nhà nước ta đã ban hành Pháp lệnh về dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Điều này đã tạo cơ sở pháp lý cao hơn và đầy đủ hơn cho việc thực hiện dân chủ trực tiếp trong một phạm vi rộng lớn nhất ở cơ sở. Tuy nhiên, để có thể thực hiện tốt Pháp lệnh này, đòi hỏi Nhà nước ta phải tiến hành rà soát và kịp thời sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan đến việc thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn trong các văn bản khác sao cho phù hợp với quy định trong Pháp lệnh. Đồng thời, trên cơ sở triển khai thực hiện Pháp lệnh này, cần phải rút ra những bài học kinh nghiệm nhằm tiếp tục hoàn thiện pháp luật về dân chủ trực tiếp ở

các loại hình cơ sở khác như ở cơ quan nhà nước, ở doanh nghiệp nhà nước.

2. Nghiên cứu, bổ sung và thực hiện các hình thức dân chủ trực tiếp mới

- *Xây dựng và ban hành Luật Trưng cầu ý dân*: Trưng cầu ý dân là hình thức dân chủ trực tiếp cao nhất nhưng cho đến nay hầu như chưa được thực hiện ở Việt Nam. Với ý nghĩa quan trọng to lớn và tính chất mới mẻ, phức tạp, khó thực hiện, đòi hỏi trưng cầu ý dân phải được tiến hành trên cơ sở văn bản pháp luật có hiệu lực pháp lý cao, đó là Luật Trưng cầu ý dân. Luật Trưng cầu ý dân phải quy định đầy đủ các vấn đề sau đây: Nội dung trưng cầu ý dân; Quyền quyết định trưng cầu ý dân và trách nhiệm tổ chức trưng cầu ý dân; phổ biến, tuyên truyền trưng cầu ý dân; Đánh giá và sử dụng kết quả trưng cầu ý dân:

- *Nghiên cứu và xây dựng pháp luật về phản biện xã hội*: Phản biện xã hội là một hình thức dân chủ trực tiếp có ý nghĩa quan trọng trong tiến trình mở rộng và phát triển dân chủ ở nước ta hiện nay. Mục đích của phản biện xã hội là đảm bảo lợi ích hài hòa của các thành viên trong xã hội, kể cả của Nhà nước, các tổ chức chính trị, xã hội, tổ chức kinh tế và mọi công dân. Để phản biện xã hội sớm được tiến hành như một hình thức dân chủ trực tiếp hiệu quả trong đời sống xã hội, đòi hỏi phải nhanh chóng nghiên cứu và ban hành pháp luật về vấn đề này. Trong đó, các vấn đề như cơ chế, trình tự phản biện xã hội, vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong phản biện xã hội phải được quy định cụ thể, rõ ràng.

- *Nghiên cứu và xây dựng pháp luật về biểu tình*: Thông thường, biểu tình được xem là một sự thể hiện công khai ý chí của người dân về những vấn đề của

đời sống xã hội. Về tính chất, biểu tình có thể là sự ủng hộ hoặc phản kháng đối với một chủ trương, chính sách, sự kiện hay một quyết định nào đó. Chủ trương, chính sách, sự kiện, quyết định đó không chỉ là của nội bộ quốc gia mà còn có thể là của quốc gia khác. Về hình thức, biểu tình có 2 hình thức: Biểu tình ôn hòa và biểu tình bạo động. Về nguyên tắc, người dân được quyền biểu tình theo quy định của pháp luật, cảnh sát hay lực lượng an ninh chỉ can thiệp khi xảy ra bạo động, hay có hành vi đập phá, xâm phạm đến tài sản nhà nước, tài sản của tổ chức, của công dân, xâm phạm trật tự an toàn xã hội.

Ở Việt Nam, tuy chưa có Luật Biểu tình nhưng không có nghĩa là công dân muốn biểu tình thế nào cũng được. Với những công cụ luật pháp đã có, Nhà nước có thể có đủ biện pháp đảm bảo cho các cuộc biểu tình diễn ra theo một trật tự nhất định (pháp luật về việc xử lý những hành vi gây rối trật tự công cộng, phá hoại của công,...). Trong xu hướng mở rộng và phát triển dân chủ hiện nay, cần sớm triển khai soạn thảo và ban hành Luật Biểu tình, tạo cơ sở pháp lý cho nhân dân thực hiện quyền tự do hiến định của mình □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. TS. Trần Minh Hương (2004), “Vấn đề Xây dựng pháp luật về trưng cầu ý dân”, Tạp chí *Luật học*, Số 6.
2. *Hồ Chí Minh toàn tập*, 1996, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. *Hồ Chí Minh toàn tập*, 2000, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. *V. I. Lê nin toàn tập*, 1978, Nxb. Tiến bộ, (Tiếng Việt), Matxcova.
5. *C. Mác và Ph. Ăngghen toàn tập*, 2002, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.